

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGÔ THANH ĐOAN THƯ

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN
TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH ĐẮK LẮK**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐINH BẢO NGỌC**

Phản biện 1: **TS. Hồ Hữu Tiến**

Phản biện 2: **GS.TS. Dương Thị Bình Minh**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 1 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn có vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội và là cơ sở, nền tảng để tổ chức mọi hoạt động trong nền kinh tế. Vì vậy để đáp ứng nhu cầu phát triển và cạnh tranh, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải được mở rộng, phát triển với quy mô ngày càng lớn, đổi mới dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ vươn lên cạnh tranh với hàng hoá, dịch vụ của các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

Ngân hàng thương mại (NHTM) có chức năng là một doanh nghiệp đặc biệt chuyên kinh doanh tiền tệ. Với vai trò là tổ chức trung gian tài chính, NHTM tập trung mọi nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế và phân phối chúng cho các nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh và các nhu cầu khác của các cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế theo các nguyên tắc tín dụng.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, nhu cầu về vốn ngày càng tăng và đòi hỏi phải được đáp ứng nhanh chóng kịp thời. Nhu cầu vốn đầu tư ngày càng tăng của nền kinh tế cũng tương đương với việc huy động vốn của các NHTM phải được tăng cường, mở rộng và hiệu quả.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk được thành lập vào cuối năm 1999 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đây là một địa bàn tập trung nhiều chi nhánh của các hệ thống ngân hàng thương mại khác nhau. Buôn Ma Thuột là thành phố lớn và năng động nhất Tây Nguyên, đang phấn đấu phát triển trở thành thành phố trực thuộc trung ương nên nhu cầu về nguồn vốn đầu tư rất lớn. Tuy nhiên, nguồn vốn huy động trên địa bàn lại rất hạn hẹp và khó khai thác.

Nhận thức được tầm quan trọng của vốn đối với nền kinh tế

nói chung và đối với hoạt động huy động vốn của ngân hàng nói riêng, ngay từ khi được thành lập Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk đã rất chú trọng và chủ động trong công tác huy động vốn từ tất cả các nguồn để phục vụ cho đầu tư và cho vay. Tuy nhiên, hiện tại nguồn vốn huy động của chi nhánh chiếm tỷ trọng còn thấp trong tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn.

Trên cơ sở lý luận và tình hình thực tế tại Ngân hàng công thương Đắk Lắk, vấn đề cấp bách hiện nay đối với Ngân hàng công thương Đắk Lắk chính là tìm ra được những giải pháp để hoàn thiện công tác huy động vốn. Vì vậy, tôi chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk”*** với mục đích có thể đóng góp một phần nhỏ bé của mình trong công tác huy động vốn tại chi nhánh NHTM CP Công thương chi nhánh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác huy động vốn
- Phân tích công tác huy động vốn của ngân hàng
- Đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác huy động vốn tại ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để hiểu rõ hơn về tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Đắk Lắk giai đoạn 2012 đến 2014 và đưa ra các giải pháp thích hợp để hoàn thiện công tác huy động vốn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động huy

động vốn trên địa bàn Đắk Lắk theo các tiêu chí: quy mô, thị phần, cơ cấu và hiệu quả của hoạt động huy động vốn.

+ Về không gian: Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

+ Về thời gian: Số liệu khảo sát thực trạng được lấy trong khoảng từ năm 2012 đến năm 2014.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh

- Các phương pháp khác nhằm giải quyết mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn hoàn cảnh ở Việt Nam

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa khoa học : Hệ thống hóa các hình thức huy động vốn của NHTM trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- Về mặt thực tiễn: Thông qua quá trình huy động vốn hiện nay của Ngân hàng TMCP Công thương Đắk Lắk, để phân tích những mặt đã đạt được và những mặt còn hạn chế để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác huy động vốn

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận luận văn được trình bày gồm ba chương cơ bản như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác huy động vốn của Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk.

Chương 3: Những giải pháp hoàn thiện công tác huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk.

8. Tổng quan về tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của NHTM là những giá trị tiền tệ do ngân hàng tạo lập được thuộc về sở hữu của ngân hàng. Đây là loại vốn ngân hàng có thể sử dụng lâu dài để hình thành nên trang thiết bị, nhà cửa cho ngân hàng.

1.1.2. Vốn huy động vốn

Vốn huy động từ nhận gửi tiền là nguồn vốn chủ yếu của NHTM, nguồn vốn này được hình thành từ việc ngân hàng huy động tiền gửi của tổ chức kinh tế và cá nhân trong xã hội.

1.1.3. Vốn đi vay

Vốn đi vay chiếm một tỷ trọng nhất định trong cơ cấu nguồn vốn của NHTM, thường thấp hơn so với nguồn tiền gửi, nhưng rất cần thiết đảm bảo thanh toán tức thời khi phát sinh nhu cầu thanh toán cho khách hàng

Các nguồn đi vay của NHTM bao gồm: *Vay từ Ngân hàng Nhà nước; Vay từ các Tổ chức tín dụng khác; Vay trên thị trường vốn*

1.1.4. Vốn nhận ủy thác đầu tư và các nguồn vốn khác

NHTM nhận vốn ủy thác đầu tư của Nhà nước, của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế theo các chương trình, dự án với mục tiêu riêng như: phát triển nông thôn, cải tạo môi trường, môi sinh, xây dựng nhà ở và cơ sở hạ tầng, ...

1.2. HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm về huy động vốn

Hoạt động huy động vốn là hoạt động cơ bản của NHTM. Với

hoạt động huy động vốn, các NHTM được phép sử dụng tất cả những công cụ và phương pháp khác nhau để huy động mọi nguồn tiền nhàn rỗi.

1.2.2. Phân loại nguồn vốn huy động

a. Phân loại theo kỳ hạn

- *Tiền gửi có kỳ hạn*

Là các tiền gửi của các tổ chức kinh tế, cá nhân gửi vào ngân hàng và rút ra sau một thời hạn nhất định.

- *Tiền gửi không kỳ hạn*

Đây là phần tiền huy động tương đối quan trọng ở những nước phát triển có tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt cao. Mục đích của các khoản tiền gửi này không phải là để lấy lãi mà chủ yếu dùng để thanh toán.

b. Phân loại theo đối tượng

- *Huy động vốn từ dân cư*

- *Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế*

- *Huy động vốn từ các tổ chức tín dụng khác*

c. Phân loại theo mục đích gửi tiền

- *Tiền gửi thanh toán*

- *Tiền gửi tiết kiệm*

Có hai hình thức tiền gửi tiết kiệm, đó là:

+ *Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn*

+ *Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn*

- *Phát hành giấy tờ có giá*

- *Các hình thức khác*

d. Phân theo loại tiền

- *Huy động vốn nội tệ*

- *Huy động vốn ngoại tệ*

1.2.3. Vai trò của huy động vốn đối với ngân hàng thương mại

a. Đối với nền kinh tế

Là định chế tài chính trung gian trong nền kinh tế, các NHTM đã làm cầu nối giữa nơi thừa vốn và nơi thiếu vốn.

Ngoài ra, thông qua nghiệp vụ huy động vốn NHNN có thể kiểm soát khối lượng tiền tệ trong lưu thông qua việc sử dụng chính sách tiền tệ như tỷ lệ dự trữ bắt buộc, lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu,

b. Đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại

NHTM là một tổ chức kinh doanh tiền tệ nên phải có tiền mới có thể hoạt động kinh doanh được. Hoạt động tìm kiếm tư liệu sản xuất của NHTM là hoạt động huy động vốn. Như vậy, huy động vốn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của các NHTM

- *Vốn là cơ sở để ngân hàng chủ động trong kinh doanh*
- *Vốn ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô hoạt động tín dụng và các hoạt động khác của ngân hàng*
- *Vốn quyết định khả năng thanh toán và đảm bảo uy tín của ngân hàng trên thương trường*

c. Đối với khách hàng

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.3.1. Phân tích bối cảnh môi trường ảnh hưởng đến công tác huy động vốn của ngân hàng thương mại

a. Môi trường bên ngoài

- *Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội*
- *Môi trường pháp lý*
- *Môi trường cạnh tranh*
- *Tâm lý thói quen của khách hàng*

b. Môi trường bên trong

- Chiến lược kinh doanh của ngân hàng

Mỗi ngân hàng đều xây dựng cho mình một chiến lược kinh doanh cụ thể dựa vào việc ngân hàng xác định vị trí hiện tại của mình trong hệ thống, thấy được điểm mạnh, điểm yếu, phân tích cơ hội thách thức đồng thời dự đoán được sự biến động của môi trường kinh doanh trong tương lai

- Chính sách huy động vốn của ngân hàng

Xây dựng chính sách khách hàng hợp lý, quan tâm đến một số chính sách có liên quan tới huy động vốn

- Công nghệ ngân hàng

- Nguồn nhân lực của ngân hàng

- Uy tín của ngân hàng

- Mạng lưới hoạt động

1.3.2. Những biện pháp mà ngân hàng thực hiện nhằm đạt được mục tiêu về huy động vốn của ngân hàng thương mại

a. Mục tiêu huy động vốn của ngân hàng thương mại

- Huy động đủ lượng vốn để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn

- Cơ cấu huy động vốn hợp lý

- Kiểm soát tốt chi phí huy động

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong huy động vốn

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ

b. Những biện pháp mà ngân hàng thực hiện nhằm đạt được mục tiêu về huy động vốn

Tùy theo mục tiêu khác nhau trong huy động vốn của từng thời kỳ mà các ngân hàng đề ra các biện pháp khác nhau nhằm đáp ứng được chiến lược kinh doanh và đảm bảo mang lại lợi nhuận một cách tối ưu nhất.

- Đa dạng hóa sản phẩm

- *Mở rộng mạng lưới giao dịch*
- *Chính sách lãi suất*
- *Hoạt động quảng bá*

1.3.3. Tổ chức công tác huy động vốn của ngân hàng thương mại

Tổ chức công tác huy động vốn trong các ngân hàng sẽ được giao cho bộ phận có chức năng soạn thảo, và phải được người có thẩm quyền thông qua. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác huy động vốn sẽ do nhiều bộ phận khác nhau cùng tham gia phối hợp thực hiện.

1.3.4. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả công tác huy động vốn của ngân hàng thương mại

a. Quy mô nguồn vốn huy động: được đánh giá qua ba chỉ tiêu:

- Số dư tiền gửi huy động qua các năm
- Số lượng khách hàng gửi tiền
- Thị phần huy động vốn

b. Cơ cấu theo mục đích gửi tiền

- Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng
- Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn
- Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền

c. Kiểm soát rủi ro trong công tác huy động vốn: nhằm hạn chế tối đa những rủi ro xảy ra cho ngân hàng.

Các rủi ro thường gặp: rủi ro trong giao dịch, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro tác nghiệp...

d. Chi phí huy động vốn

e. Chất lượng cung ứng dịch vụ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

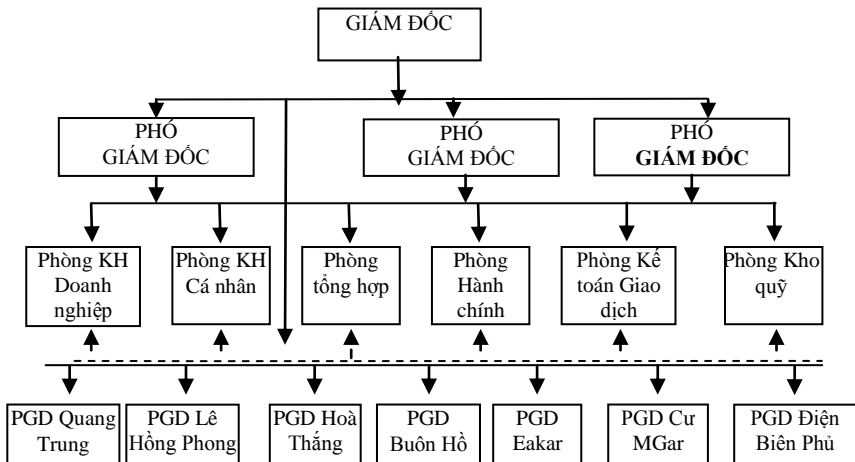
2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮKLẮK

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk

- Những hoạt động kinh doanh cơ bản

Ngân hàng Công Thương chi nhánh Đắk Lắk là một NHTM quốc doanh, hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, tín dụng thanh toán và dịch vụ ngân hàng phục vụ cho các ngành nghề chủ yếu là công thương, xây dựng, giao thông vận tải, năng lượng và một số ngành khác của địa phương. Những hoạt động kinh doanh cơ bản của Vietinbank Đắk Lắk

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của VietinBank Đắk Lắk

2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk giai đoạn 2012 – 2014

a. Tình hình nguồn vốn từ năm 2012 – 2014

Tình hình tổng nguồn vốn của VietinBank Đắk Lắk từ năm 2012 - 2014 tăng dần cả về số tương đối và số tuyệt đối. Cụ thể:

Bảng 2.1. Tình hình nguồn vốn từ năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		13/12	14/13
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tăng/ Giảm (%)	Tăng/ Giảm (%)
1. Vốn huy động	1.663	47,98	1.737	46,15	2.077	50,44	4,45	19,57
2. Vốn chủ sở hữu	0,69	0,02	0,47	0,01	0,81	0,02	-31,88	72,34
3. Nguồn đi vay	1.417	40,88	1.689	44,87	1.823	44,27	19,20	7,93
4. Nguồn khác	385	11,11	338	8,98	217	5,27	-12,21	-35,73
Tổng nguồn vốn	3.466	100	3.764	100	4.118	100	8,60	9,40

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Vietinbank Đắk Lắk)

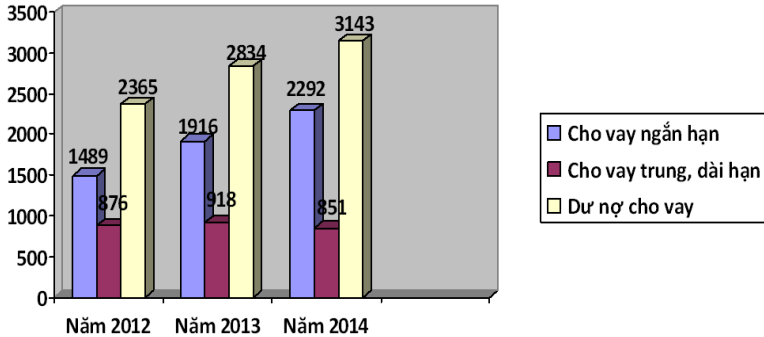
b. Tình hình cho vay từ năm 2012 – 2014

Bảng 2.2. Tình hình cho vay từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		13/12	14/13
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Tăng/ Giảm (%)	Tăng/ Giảm (%)
1. Cho vay ngắn hạn	1.489	62,95	1.916	67,61	2.292	72,92	28,69	19,58
2. Cho vay trung dài hạn	876	37,05	918	32,39	851	27,08	4,74	-7,31
Dư nợ cho vay	2.365	100	2.834	100	3.143	100	19,82	10,87

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của VietinBank Đắk Lắk)



Biểu đồ 2.2. Tình hình cho vay từ năm 2012 - 2014

c. Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2012 - 2014

Hoạt động kinh doanh của VietinBank Đắk Lắk vẫn giữ được đà phát triển ổn định. Số liệu cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu

Bảng 2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tăng/Giảm			
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2013/2012		2014/2013	
							Số tiền	(%)	Số tiền	(%)
I. Tổng thu nhập	619	100	619	100	488	100	0	-0,02	-131	-21,13
1. Thu từ lãi tiền gửi	201	32,45	215	34,74	147	30,10	14	7,04	-68	-31,66
2. Thu từ lãi cho vay	384	62,03	365	58,95	306	62,72	-19	-4,99	-59	-16,08
3. Thu từ dịch vụ và thu khác	34	5,52	39	6,31	35	7,18	5	14,25	-4	-10,30
II. Tổng chi phí	569	100	565	100	437	100	-4	-0,70	-128	-22,71
1. Chi phí về huy động vốn	118	20,72	124	21,93	88	20,14	6	5,08	-36	-29,03
2. Chi trả lãi tiền vay	356	62,52	349	61,72	265	60,64	-7	-1,97	-84	-24,07
3. Chi phí khác	95	16,76	92	16,35	84	19,22	-3	-3,14	-8	-9,12
Lợi nhuận	50	-	54	-	51	-	4	7,72	-2	-4,46

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2012 - 2014)

2.2. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Phân tích bối cảnh môi trường ảnh hưởng đến công tác huy động vốn của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk

a. Môi trường bên ngoài

- Môi trường kinh tế chính trị xã hội

Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành 31,4 triệu đồng, đạt 98,4% KH.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt khoảng 3.300 tỷ đồng, đạt 96,8% dự toán TW giao và đạt 82,5% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 92,2% so với năm 2013 (KH 2014 : 4.000 tỷ đồng)

Bên cạnh đó, đời sống dân cư cũng còn thấp, dân số không cao, địa bàn nhỏ hẹp nhưng mật độ các TCTD thì rộng lớn, nhu cầu vốn đầu tư cho địa bàn lớn.

- Môi trường pháp lý

- Môi trường cạnh tranh

Năm 2014 trên địa bàn thành phố tập trung hơn 41 tổ chức tín dụng và quỹ tín dụng nhân dân, trong khi đó sử dụng vốn gấp 2 lần nguồn vốn.

- Tâm lý thói quen của khách hàng

b. Môi trường bên trong

- Chiến lược kinh doanh của ngân hàng

Đang đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, phần đầu năm giữ thị phần lớn thứ 2 trên thị trường về dư nợ tín dụng.

Quyết liệt và kiên định thực hiện tái cấu trúc nền khách hàng gắn với điều chỉnh chính sách

Tổ chức hoạt động kinh doanh theo hướng tăng năng suất, chất

lượng và hiệu quả, trong đó quyết liệt triệt để tình trạng suy giảm chất lượng.

- Chính sách huy động vốn của ngân hàng
- Công nghệ ngân hàng
- Nguồn nhân lực của ngân hàng
- Uy tín của ngân hàng

2.2.2. Những giải pháp mà ngân hàng đã thực hiện để đạt được mục tiêu huy động vốn của Vietinbank trong thời gian qua

a. Mục tiêu về huy động vốn của Vietinbank trong thời gian qua

- Duy trì được tốc độ tăng trưởng vốn huy động hàng năm
- Điều hành lãi suất huy động theo cơ chế thị trường.

b. Những biện pháp mà ngân hàng Vietinbank Đắk Lắk đã thực hiện để huy động vốn trong thời gian qua

- Đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn

Triển khai thực hiện nhiều loại sản phẩm tại chi nhánh giúp thu hút được nhiều đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, do quá nhiều sản phẩm giống nhau và không có sự khác biệt riêng của từng loại sản phẩm nên đã làm cho khách hàng đến giao dịch khó lựa chọn.

Tuy nhiên, việc đa dạng sản phẩm huy động vốn chỉ mới đáp ứng thị trường về mặt số lượng chứ công tác triển khai và đánh giá hiệu quả cùng tiện ích hỗ trợ theo sản phẩm chưa được thực hiện một cách thường xuyên.

- Mở rộng mạng lưới giao dịch

Tại thời điểm này, ngoài 6 phòng nghiệp vụ tại hội sở, VietinBank Đắk Lắk còn có 7 phòng giao dịch loại I phân bố trên địa bàn nội thành và các huyện dân cư đông, kinh tế phát triển, trong đó có 04 phòng giao dịch ở trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và 03 phòng giao dịch ở các huyện lớn, tiềm năng của tỉnh.

- Chính sách lãi suất
- Hoạt động quảng bá
- Đào tạo nhân sự

2.2.3. Tổ chức công tác huy động vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk

Tại Vietinbank Đắk Lắk công tác huy động vốn được tập trung tại các phòng: Phòng bán lẻ, Phòng khách hàng doanh nghiệp, phòng kế toán giao dịch, trong đó Phòng bán lẻ là phòng đầu mối cho tất cả mọi hoạt động huy động vốn.

Thành lập phòng dịch vụ khách hàng và phòng quan hệ khách hàng, hai phòng này có chức năng thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến công tác huy động vốn

2.2.4. Kết quả huy động vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk từ năm 2012 đến năm 2014

a. Quy mô huy động vốn

- Số dư huy động vốn qua 3 năm (2012 – 2014)

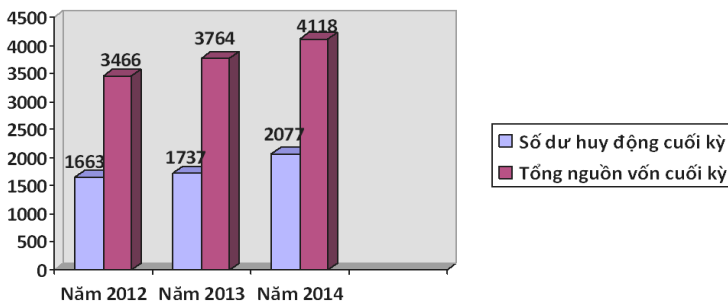
Quy mô nguồn vốn huy động là chỉ tiêu quan trọng đầu tiên để đánh giá khả năng huy động vốn của ngân hàng. Quy mô huy động vốn càng lớn, càng thể hiện ngân hàng có uy tín cao và hoạt động hiệu quả, thông qua các chính sách thu hút vốn hợp lý cùng với sự nỗ lực không ngừng đã thu hút được một lượng lớn nguồn vốn nhà rỗi trong nền kinh tế và dân cư, trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các ngân hàng và các TCTD khác.

Bảng 2.4. Quy mô huy động vốn từ năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2013/2012	2014/2013
	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Tăng/ Giảm (%)	Tăng/ Giảm (%)
Số dư huy động vốn cuối kỳ	1.663	1.737	2.077	4,45	19,57
Tổng nguồn vốn cuối kỳ	3.466	3.764	4.118	8,60	9,40
Tỷ trọng huy động/ tổng nguồn	47,98	46,15	50,44	-1,83	4,29

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của VietinBank Đắk Lắk)

**Biểu đồ 2.3. Quy mô huy động vốn từ năm 2012 - 2014**

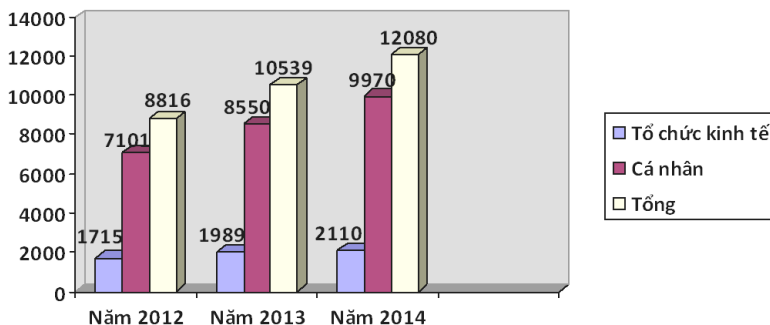
- Số lượng khách hàng tiền gửi qua 3 năm (2012 – 2014)

Bảng 2.5. Số lượng khách hàng gửi tiền từ năm 2012 – 2014

Đơn vị tính: Người

Loại khách hàng	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tăng/Giảm (%)	
	Số lượng KH	Tỷ trọng (%)	Số lượng KH	Tỷ trọng (%)	Số lượng KH	Tỷ trọng (%)	2013/2012	2014/2013
Tổ chức kinh tế	1.715	19,45	1.989	18,87	2.110	17,47	15,98	6,1
Cá nhân	7.101	80,55	8.550	81,13	9.970	82,53	20,41	1,61
Tổng	8.816	100	10.539	100	12.080	100	19,54	14,62

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh Vietinbank Đắk Lắk)



Biểu đồ 2.4. Số lượng khách hàng tiền gửi từ năm 2012 – 2014

- Thị phần huy động vốn qua 3 năm (2012 – 2014)

Xét về thị phần huy động vốn trong giai đoạn từ năm 2012 - 2014 cho thấy: thị phần huy động vốn của VietinBank Đắk Lắk có xu hướng tăng chậm. Nếu như năm 2012, thị phần của chi nhánh là 8,18%, thì đến năm 2013 thị phần có tăng nhưng không đáng kể là 8,23%, đến năm 2014 tăng 8,24%. Con số này còn kém xa so với Agribank Đắk Lắk và đứng sau các ngân hàng như Vietcombank, BIDV Đắk Lắk.

b. Cơ cấu huy động vốn

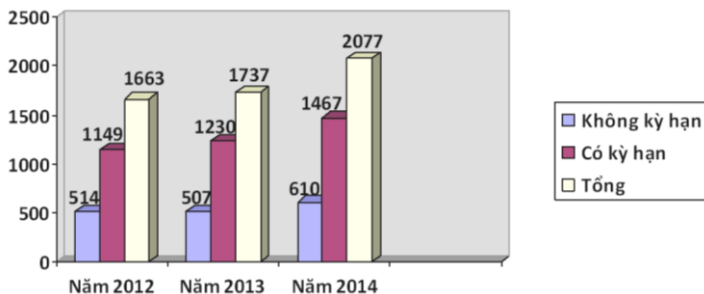
- Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn (2012-2014)

Bảng 2.7. Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn từ năm 2012-2014

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tăng/Giảm (%)	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2013 /2012	2014 /2013
Không kỳ hạn	514	30,91	507	29,19	610	29,39	-1,36	20,32
Có kỳ hạn	1.149	69,09	1.230	70,81	1.467	70,63	7,05	19,27
- Dưới 12 tháng	1.130	67,95	1.209	69,60	1.441	69,38	6,99	19,19
- Trên 12 tháng	19	1,14	21	1,21	26	1,25	10,53	23,81
Tổng	1.663	100	1.737	100	2.077	100	4,45	19,57

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh Vietinbank Đắk Lắk)



Biểu đồ 2.5. Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn từ năm 2012-2014

Qua bảng 2.7 và biểu đồ 2.5 ta thấy, nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất là nguồn vốn từ tiền gửi có kỳ hạn duy trì ở mức 60% trở lên. Trong đó tiền gửi dưới 12 tháng chiếm gần như toàn bộ.

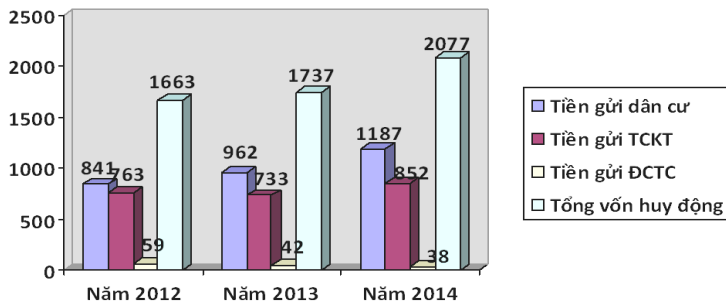
- Cơ cấu nguồn tiền theo đối tượng (2012-2014)

Bảng 2.8. Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng từ năm 2012-2014

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tăng/Giảm (%)	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2013/2012	2014/2013
1. Tiền gửi dân cư	841	50,57	962	55,38	1.187	57,15	14,39	23,39
2. Tiền gửi TCKT	763	45,88	733	42,20	852	41,02	-3,93	16,23
3. Tiền gửi ĐCTC	59	3,55	42	4,42	38	1,83	-28,81	-9,52
Tổng vốn huy động	1.663	100	1.737	100	2.077	100	4,45	19,57

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của Vietinbank Đắk Lắk)



Biểu đồ 2.6. Cơ cấu huy động vốn theo đối tượng từ năm 2012-2014

Qua Bảng 2.8 và Biểu đồ 2.6, có thể thấy rằng vốn huy động từ tiền gửi dân cư tăng đều và chiếm tỷ trọng cao qua các năm, tiếp đến là tiền gửi của tổ chức kinh tế. Cụ thể:

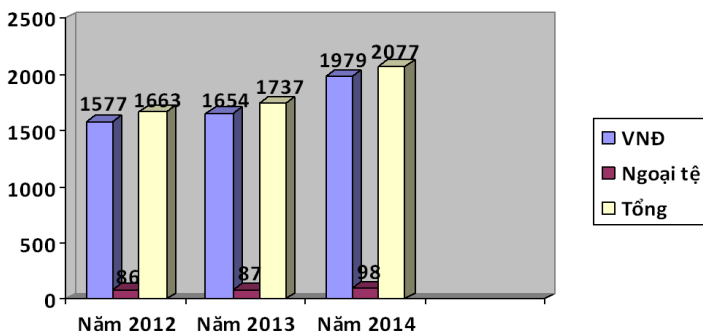
- Cơ cấu nguồn tiền theo loại tiền (2012-2014)

Bảng 2.9. Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền từ năm 2012-2014

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Tăng/Giảm (%)	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2013/2012	2014/2013
VNĐ	1.577	94.83	1,654	95.22	1979	95.28	4.88	19.65
Ngoại tệ	86	5.17	87	5.01	98	4.72	1.16	12.64
Tổng	1,663	100	1,737	100	2,077	100	4.45	19.57

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh của Vietinbank Đắc Lắc)



Biểu đồ 2.7. Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền từ năm 2012-2014

Bảng 2.9 và Biểu đồ 2.7, cho ta thấy nguồn tiền gửi nội tệ có xu hướng tăng mạnh qua các năm và chiếm tỷ trọng chủ yếu (trên 94%).

- Cơ cấu nguồn tiền theo mục đích gửi tiền 2012-2014

Xét theo bản chất huy động vốn, nhận thấy rằng nguồn vốn huy động của chi nhánh chủ yếu từ tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán, và mức chênh lệch giữa hai nguồn tiền gửi này không đáng kể.

d. Chi phí huy động vốn

Bảng 2.11. Lãi suất bình quân đầu vào, đầu ra từ năm 2012 - 2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	So sánh	
				13/12	14/13
Lãi suất bình quân đầu vào	12,23%	9,67%	6,62%	-2,54%	-3,07%
Lãi suất bình quân đầu ra	17,72%	12,03%	8,45%	-5,69%	-3,58%
Chênh lệch	5,49%	2,34%	1,83%	-	-

(Nguồn: Báo cáo quyết toán vốn VietinBank Đắk Lắk)

Qua số liệu ta thấy, năm 2012 lãi suất bình quân đầu vào là 12,23%, tương ứng với đó là lãi suất bình quân đầu ra là 17,72%, chênh lệch 5,49%. Qua năm 2013 và năm 2014 có chiều hướng giảm xuống: lãi suất bình quân đầu vào năm 2013 giảm 2,54%, năm 2014 giảm 3,07%; lãi suất bình quân đầu ra năm 2013 giảm 5,69%, năm 2014 giảm 3,58%. Chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra qua các năm cũng giảm dần, năm 2012 chênh lệch 5,49%, năm 2013 giảm còn 2,34%, đến năm 2014 con số này tiếp tục giảm còn 1,83%; điều này diễn ra hầu hết tại các ngân hàng.

Bảng 2.12. Chi phí huy động vốn từ năm 2012 - 2014*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/Giảm (%)	
				13/12	14/13
1. Tổng tiền huy động bình quân	1.663	1.737	2.077	4,45	19,57
2. Chi phí huy động	218	224	188	2,75	-16,07
- Chi phí trả lãi	208	216	177	3,85	-18,06
- Chi phí khác về huy động	10	8	11	-20	37,5
3. Chi phí huy động/Tổng huy động BQ (%)	13,11	12,90	9,05	-1,02	-3,85

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VietinBank Đắk Lắk)

Từ bảng 2.12 cho thấy, năm 2012 tỷ lệ chi phí huy động trên tổng tiền huy động là 13,11%, năm 2013 là 12,90%, tức là giảm 1,02% so với năm 2012; năm 2014 tỷ lệ chi phí huy động trên tổng tiền huy động là 9,05%, tức là giảm 3,85% so với năm 2013.

Qua đây ta thấy được việc kiểm soát chi phí trong công tác huy động vốn là một công việc quan trọng nhằm đảm bảo nguồn vốn huy động sử dụng hiệu quả.

c. Kiểm soát rủi ro trong công tác huy động vốn

Rủi ro tác nghiệp:

Bảng 2.13. Một số rủi ro tác nghiệp trong hoạt động huy động vốn của VietinBank Đắk Lắk năm 2012-2014

(Đơn vị tính : lỗi)

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	Tăng/Giảm (%)	
				2013/2012	2014/2013
Số lỗi tác nghiệp	250	212	185	-15,2	-12,74
Mức độ thiệt hại (%)	23,78	25,22	27,67	1,44	2,45

(Nguồn: Báo cáo rủi ro hoạt động huy động vốn của VietinBank Đắk Lắk)

Nhờ thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trong công tác huy động vốn mà số lỗi trong quá trình tác nghiệp qua các năm tương đối

giảm. Cụ thể năm 2013 giảm 15,2% so với năm 2012 và năm 2014 giảm 12,74% so với năm 2013.

e. Chất lượng cung ứng dịch vụ huy động vốn

Mục tiêu xác định là tập trung đẩy mạnh ngân hàng bán lẻ, trong những năm gần đây chi nhánh đã quan tâm, chú trọng hơn đến khách hàng cá nhân, có sự chuyển dịch tăng dần ở khối khách hàng này.

Để phân tích, đánh giá được chất lượng cung ứng dịch vụ, VietinBank Đắk Lắk đã thực hiện thăm dò ý kiến khách hàng khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ mà ngân hàng cung cấp vào định kỳ hàng năm. Qua đó, ngân hàng có thể biết được mức độ hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ đó, đặc biệt là các sản phẩm về huy động vốn. Đối với VietinBank Đắk Lắk các sản phẩm huy động vốn chủ yếu là các sản phẩm tiền gửi.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Kết quả đạt được

Từ những thuận lợi, khó khăn và các công cụ biện pháp huy động vốn đang được áp tại VietinBank Đắk Lắk, toàn thể cán bộ ngân hàng tại chi nhánh đã nỗ lực, phấn đấu đã đạt được một số kết quả đáng kể.

2.3.2. Những mặt còn hạn chế và nguyên nhân

a. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động huy động vốn của VietinBank Đắk Lắk còn nhiều hạn chế cần khắc phục để có thể tăng trưởng nguồn vốn huy động theo định hướng các hoạt động của mình. Từ năm 2012 - 2014 tốc độ tăng trưởng huy động vốn của chi

nhánh có tăng nhưng so với các NHTM khác trên địa bàn tỉnh còn chiếm thị phần tương đối khiêm tốn.

b. Nguyên nhân

- Nguyên nhân bên ngoài

- Nguyên nhân bên trong

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN
TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI
NHÁNH ĐẮK LẮK**

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng chung huy động vốn

Định hướng hoạt động của chi nhánh chỉ đạo quyết liệt chuyển sang mô hình bán lẻ

Bổ sung nhân sự, tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động,

Không ngừng hiện đại hoá công nghệ thanh toán qua ngân hàng. Nâng cấp một bước chương trình giao dịch thanh toán liên hàng điện tử trực tiếp như hiện nay

Không ngừng phát huy những thế mạnh sẵn có về địa bàn

**3.1.2. Định hướng huy động vốn của Ngân hàng TMCP
Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk**

Cố gắng duy trì và tăng trưởng nguồn vốn hiện có, chủ động nghiên cứu thị trường để có phương án mới hợp lý hơn, đặc biệt là trong công tác huy động tiền gửi dân cư.

Thực hiện xây dựng chiến lược huy động vốn phải luôn đi đôi với chiến lược sử dụng vốn.

Thực hiện tăng cường công tác nhận tiền gửi bằng mọi biện

pháp theo hướng coi tăng trưởng nguồn tiền gửi khách hàng là trọng tâm

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.2.1. Vận dụng chính sách lãi suất linh hoạt

- Huy động đủ vốn cho các mục đích sử dụng.
- Đảm bảo tính cạnh tranh của ngân hàng
- Đảm bảo được lợi nhuận kỳ vọng của khách hàng.
- Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.
- Chính sách lãi suất của các ngân hàng khác.
- Tình hình tăng trưởng, biến động lạm phát, tỷ giá.
- Các yếu tố tâm lý, thị hiếu của khách hàng.

3.2.2. Đổi mới tổ chức, quản lý hiệu quả hơn

một ngân hàng hiện đại trong tương lai là phải có bộ máy gọn nhẹ, được sắp xếp có tính khoa học cao VietinBank Đắk Lắk

3.2.3. Mở rộng mạng lưới giao dịch

VietinBank Đắk Lắk nên mở rộng mạng lưới giao dịch bằng việc thành lập thêm các phòng giao dịch.

Ngân hàng cần mở thêm các phòng giao dịch ở những nơi đông dân cư và các huyện có tiềm năng của tỉnh chưa có phòng giao dịch

3.2.4. Hợp lý hóa cơ cấu huy động vốn

Nguồn vốn có kỳ hạn dưới 12 tháng chiếm hơn 95%, nguồn vốn có kỳ hạn trên 12 tháng chiếm 5 % trên tổng nguồn vốn. Cơ cấu nguồn vốn gắn liền với kỳ hạn sử dụng vốn và bị khống chế tỷ lệ bởi Ngân hàng Nhà nước.

3.2.5. Tăng cường công tác Marketing và quảng bá sản phẩm dịch vụ

3.2.6. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Ngân hàng Nhà nước

3.3.2. Đối với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu luận văn đã hoàn thành một số nhiệm vụ đặt ra:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về huy động vốn của NHTM. Trong đó trình bày có chọn lọc cơ sở lý luận chung về hoạt động huy động vốn, nội dung phân tích tình hình huy động vốn, các tiêu chí đánh giá hoạt động huy động vốn và những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình huy động vốn tại Vietinbank Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2012 - 2014. Qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân trong công tác huy động vốn.

- Từ thực trạng huy động vốn cùng với định hướng của ngân hàng, luận văn đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường huy động vốn đối với VietinBank Đắk Lắk. Đồng thời, luận văn cũng có một số kiến nghị, đề xuất đối với Chính Phủ, NHNN và VietinBank để các giải pháp mang tính khả thi hơn.